

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126
127+128+129+130+131+132+133/Ngày 30-12-2025

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2244/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 28 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ
giải quyết thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện
không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh Cao Bằng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 403/TTr-SVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 78 thủ tục hành chính cấp tỉnh, 02 thủ tục hành chính cấp xã và phê duyệt 45 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, 02 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp xã trong một số lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh Cao Bằng (*chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo*).

Điều 2. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin căn cứ quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính áp dụng trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hải Hòa

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC
VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TRONG PHẠM VI TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 2244/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (78 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Ghi chú
I	LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HOÁ (08 TTTHC)		
1	2.001591	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	
2	1.001822	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	
3	1.002003	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	
4	1.003901	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	
5	1.013456	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	
6	1.013801	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu (địa phương)	
7	1.014217	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	
8	1.014218	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	
II	LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH, TRIỂN LÃM (05 TTHC)		

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

9	1.001211	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	
10	1.001191	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	
11	1.001182	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	
12	1.001147	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	
13	2.001496	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	
III	LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN (03 TTHC)		
14	1.009397	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	
15	1.009398	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	
16	1.009399	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	
IV	LĨNH VỰC VĂN HOÁ CƠ SỞ (07 TTHC)		
17	1.003676	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	
18	1.003654	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	
19	1.001008	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	
20	1.000922	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	
21	1.003743	Thủ tục kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu cấp tỉnh	
22	1.001029	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

23	1.000963	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	
V	LĨNH VỰC QUẢNG CÁO (02 TTHC)		
24	1.004650	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	
25	1.004645	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	
VI	LĨNH VỰC MUA BÁN HÀNG HOÁ QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH VĂN HOÁ (01 TTHC)		
26	1.003784	Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	
VII	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH (03 TTHC)		
27	1.012080	Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	
28	1.012081	Thủ tục cấp lại lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	
29	1.012082	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	
VIII	LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ (03 TTHC)		
30	1.006412	Thủ tục cấp giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	
31	1.001082	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	
32	1.001091	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	
IX	LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG (06 TTHC)		
33	1.001376	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”	
34	1.001108	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”	
35	1.001032	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	
36	1.000971	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

37	1.000871	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật	
38	1.000564	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng nhà nước” về văn học, nghệ thuật	
X	LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO (05 TTHC)		
39	1.003441	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	
40	1.000983	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	
41	1.002022	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	
42	1.002013	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	
43	1.001782	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
XI	LĨNH VỰC DU LỊCH (19 TTHC)		
44	1.004528	Thủ tục công nhận điểm du lịch	
45	2.001616	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	
46	2.001611	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	
47	2.001589	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	
48	1.003742	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	
49	1.001837	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	
50	1.001440	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	
51	1.004605	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

52	1.004628	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	
53	1.004623	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	
54	1.001432	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	
55	1.004614	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	
56	1.003490	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	
57	1.004551	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
58	1.004503	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
59	1.001455	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
60	1.004580	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
61	1.004572	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
62	1.004594	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	
XII	LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ (05 TTHC)		
63	2.001765	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	
64	1.003384	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	
65	1.005452	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	
66	2.001091	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	
67	2.001087	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	
XIII	LĨNH VỰC BÁO CHÍ (03 TTHC)		
68	1.009386	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 116+117+118+119+120+121+122+123+124+125+126+127+128+129+130+131+
132+133/Ngày 30-12-2025

69	2.001171	Cho phép hợp báo (trong nước)	
70	2.001173	Cho phép hợp báo (nước ngoài)	
XIV	LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH (08 TTHC)		
71	1.003868	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	
72	2.001584	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	
73	1.003729	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	
74	1.004153	Cấp giấy phép hoạt động in	
75	2.001744	Cấp lại giấy phép hoạt động in	
76	2.001740	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in	
77	2.001737	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	
78	1.003725	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (02 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Ghi chú
I	LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HOÁ (02 TTHC)		
1	1.014310	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	
2	1.014312	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	